

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 19- 02- 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tuyên;

Ông Cao Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Chuyên - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS, ngày 02 - 01- 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐ-TA, ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1977 “vắng mặt”;

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 “vắng mặt”;

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Công K, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định. Người đại diện

theo ủy quyền của *anh Phạm Công K*: Chị Cao Thị H (vợ anh K, theo văn bản ủy quyền ngày 21-10-2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27- 7- 2024, Bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Ngày 20/01/2020 vợ chồng chị đã cho vợ chồng anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T vay số tiền 450.000.000 đồng, hẹn đến 20- 01- 2021 sẽ trả, khi vay vợ chồng anh P chị T có ký vào giấy vay tiền. Khi đến thời gian trả nợ, anh P chị T không trả nợ cho vợ chồng chị, mặc dù chị đã đòi nhiều lần nhưng đến nay anh P và chị T vẫn chưa trả lại số tiền gốc đã vay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T phải trả vợ chồng chị số tiền đã vay là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với bị đơn là anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T nhưng anh P, chị T không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H; buộc vợ chồng anh Đỗ Văn P, chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả vợ chồng chị Cao Thị H anh Phạm Công K số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc: Anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T phải nộp theo mức quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cao Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Tòa án vẫn xét xử vắng các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Cao Thị H khởi kiện vợ chồng anh Đỗ Văn P, chị Nguyễn Thị T đối với khoản tiền vay, nên xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về nội dung: Khi khởi kiện chị Cao Thị H đã cung cấp chứng cứ là “Giấy vay tiền” (bản chính) đề ngày 20-01-2020 có chữ ký của bên vay là anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T, số tiền vay là 450.000.000 đồng. Nay chị H yêu cầu anh P chị T phải trả số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T, nhưng anh P và chị T không hợp tác giải quyết, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do vậy xác định vợ chồng anh P chị T có vay vợ chồng anh K chị H số tiền 450.000.000 đồng theo “Giấy vay tiền” ngày 20-01-2020 là có thật. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H.

Buộc vợ chồng anh Đỗ Văn P, chị Nguyễn Thị T phải trả vợ chồng anh Phạm Công K chị Cao Thị H số tiền đã vay 450.000.000 đồng (B trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc vợ chồng anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T phải nộp 22.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn

đồng). Trả lại chị Cao Thị H số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004804 ngày 23- 10- 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Cao Thị H, anh Phạm Công K, anh Đỗ Văn P, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ